**TIẾNG VIỆT**

 **Bài 15: Đọc: Bài ca về mặt trời**

**I.Yêu cầu cần đạt:**

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Bài ca về mặt trời. Biết đọc diễn cảm các đoạn chứa nhiều từ ngữ gợi tả, gợi cảm và thể hiện tâm lí, cảm xúc của nhân vật; tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng trong 1 phút.

- Nhận biết được các nhân vật qua hành động và lời nói của nhân vật; nhận biết các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật dựa vào hành động, việc làm và suy nghĩ của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Cần biết rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình.

- Tích cực tập đọc, cố gắng luyện đọc đúng, luyện đọc diễn cảm tốt. Nâng cao kĩ năng tìm hiểu ý nghĩa nội dung bài đọc và vận dụng vào thực tiễn.

- Biết biểu lộ tình yêu thiên nhiên và có ý thức bảo vệ thiên nhiên. Cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên được thể hiện trong văn bản và trong đời sống. Thông qua bài đọc, biết yêu quý bạn bè, tích cực tham gia hoạt động tập thể. Có ý thức tự giác tập đọc, trả lời các câu hỏi. Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II.Đồ dùng dạy học:**

- Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III.Hoạt động dạy học:**

**1. Khởi động:**

- HS xem video hoạt hình Thần gió và mặt trời và yêu cầu HS nêu cảm nhận của em về nhân vật mặt trời

<https://youtu.be/H1pb1BCZhRU?si=Xq0ckYdG6Gk8BBdW>

- HS thảo luận trả lời các câu hỏi

- HS lắng nghe GVgiới thiệu: Ngoài sức mạnh vô tận, mặt trời còn tạo ra những cảnh đẹp tuyệt vời cho Trái đất của chúng mình, cảnh đẹp đó là gì, bài học ngày hôm này chúng mình sẽ tìm hiểu nhé!

**2. Khám phá.**

**2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc**.

- Đọc mẫu lần 1(GV hoặc HS): Đọc rõ ràng, diễn cảm phù hợp với tâm trạng nhân vật, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm, những tình tiết bất ngờ, từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc nhân vật.

- HS nghe HD đọc: Đọc diễn cảm, chú ý tới những chỗ ngắt nghỉ, các từ ngữ thể hiện sự diễn cảm (cái gì vậy; rõ ràng là, từ bao giờ; chắc là, bỗng ...) trong văn bản.

- HS chia đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến trông thấy được

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến càng nhích dần lên

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

- 3 HS đọc nối tiếp theo đoạn.

- HS luyện đọc từ khó: mỏng, màu sữa, bổng, lè tè, xanh thẫm, vành mũ, chiếm lĩnh,….

- Nghe GV hướng dẫn luyện đọc câu:

Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa/ bay la đà trên những khóm cây quanh vườn, / trùm lấp một khoảng sân;

- Nghe GV HD đọc đúng ngữ điệu: đọc thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp các nhân vật, đọc đúng ngữ điệu thể hiện tâm trạng của nhân vật

- 3 HS đọc nối tiếp đoạn.

- HS lắng nghe GV nhận xét tuyên dương.

**2.2. Hoạt động 2:Tìm hiểu bài.**

- HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,…

- Hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.

+ Câu 1: Đàn chim sẻ làm gì khiến nhân vật “tôi” chú ý? Nhân vật “tôi” nghĩ gì về chuyện đó?

+ Nhân vật “tôi” chú ý đến những chú chim sẻ đang thi nhau cất tiếng hót trên những ngọn cau cao, tiếng chim khi bổng khi trầm làm xôn xao không gian.

+ Nhân vật “tôi” nghĩ đàn chim sẻ hót xôn xao như vậy vì đang trông thấy một điều gì đó mà nhân vật “tôi” ở thấp quá chưa nhìn ra được.

 Câu 2: Cảnh mặt trời mọc được miêu tả như thế nào?

+ Đầu tiên, mặt trời nhô lên sau vòm cây xanh thẫm như một vành mũ màu đỏ.

Chiếc mũ đỏ to lớn nhô dần lên trên nền trời. Cuối cùng mặt trời bay lên khỏi vòm cây, to và đỏ giống như một chiếc mâm đồng. Vầng mặt trời bay từ từ chiếm lĩnh nền trời xa, rộng.

 Câu 3: Vì sao nhân vật “tôi” liên tưởng mặt trời như chiếc mũ đỏ rồi lại như chiếc mâm đồng đỏ?

+ Bạn nhỏ thay đổi hình ảnh so sánh vì hình dáng của mặt trời thay đổi khi nhô dần lên trên bầu trời. Ban đầu, mặt trời chỉ ló một nửa ra khỏi vòm cây, giống nửa vành mũ đội đầu (đều là nửa hình tròn). Bạn nhỏ có lẽ cũng tưởng tượng có ai đó đang trốn sau vòm cây và chỉ ló mỗi vành mũ lên, bạn nhỏ hồi hộp chờ đợi ai là người đội chiếc mũ đó. Khi nhô lên cao, mặt trời mới hiện ra đầy đủ, tròn đầy và to rõ, giống như một chiếc mâm màu đỏ.

Câu 4: Khi phát hiện ra vầng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật “tôi” như thế nào? Em suy nghĩ gì về bài hát của nhân vật “tôi”?

+ Khi phát hiện ra vầng mặt trời như chiếc mâm đồng đỏ, cảm xúc của nhân vật “tôi” dâng trào, khiến cho trong trái tim của nhân vật “tôi” vang lên tiếng hát. Đó là một bài hát rất độc đáo, giàu hình ảnh, chứa chan cảm xúc

Câu 5: Khi đọc đoạn văn tả mặt trời mọc, có hai bạn nhỏ đã nêu ý kiến như trong sách. Em thích ý kiến của bạn nào hoặc có ý kiến nào khác? Vì sao?

+ Nghe GV gợi ý: Mỗi đoạn văn trên so sánh cảnh mặt trời mọc với điều gì? Mỗi đoạn giải thích hình ảnh so sánh đó ra sao?

VD: Vào buổi bình minh, mặt trời giống một quả bóng bay màu đỏ (vì mặt trời tròn, đỏ, ít quầng nắng nên giống quả bóng, càng lúc lại càng lên cao cũng giống quả bóng); khi lên cao tít, mặt trời giống một đốm lửa (vì mặt trời lúc đó nhỏ thôi nhưng màu đỏ hoặc cam, gay gắt, và có những quầng nắng xung quanh rất chói mắt, giống lửa ... )

- HS nêu nội dung bài bài học.

- HS lắng nghe nhận xét và chốt: *Cần biết rung cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên quanh mình.*

**2.3. Hoạt động 3:Luyện đọc lại.**

- HS nghe GV đọc diễn cảm lại bài .

- 6 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

- Nhận xét và bình chọn bạn đọc diễn cảm.

**4. Vận dụng trải nghiệm.**

- HS nghe GV nêu yêu cầu: Em hãy nêu cảm nhận của em về cảnh mặt trời mọc trong câu chuyện và tâm trạng của bạn nhỏ khi hát vang bài ca về mặt trời?

- Nhận xét, tuyên dương.

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tiết 4: TIẾNG VIỆT**

**Luyện tập về từ đa nghĩa**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- HS có thể phân biệt, biết sử dụng từ đa nghĩa.

- Củng cố lại kiến thức về từ đa nghĩa; biết sử dụng, giải thích, đánh giá được tác dụng của từ đa nghĩa trong những tình huống cụ thể.

- Biết yêu quý bạn bè và đoàn kết trong học tập. Có ý thức tự giác trong học tập, trò chơi và vận dụng.

**II.Đồ dùng dạy học:**

- Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III.Hoạt động dạy học:**

**1. Khởi động:**

- HS chơi trò chơi “Đường đua kì thú”

- GV phổ biến cách chơi: Các thành viên cùng lên bảng ghi từ tìm được vào ô nhiệm vụ được giao bắt đầu từ từ dùng nghĩa gốc, bạn nối tiếp sẽ điền vào ô dùng nghĩa chuyển. Nhóm nào nhanh hơn, tìm được nhiều từ dùng với nghĩa chuyển hơn thì nhóm đó thắng cuộc.

- HS nhắc lại thế nào là từ đa nghĩa?

**2. Luyện tập.**

**Bài 1**: Nêu nghĩa của từ *hạt* trong mỗi đoạn thơ dưới đây. Từ *hạt* trong đoạn thơ nào được dùng với nghĩa gốc?

a. Khi đang là **hạt**

Cầm trong tay mình

Chưa gieo xuống đất

**Hạt** nằm lặng thinh.(Trần Hữu Thung)

b. **Hạt** mưa mải miết trốn tìm

Cây đào trước cửa lim dim mắt cười

Quất gom từng **hạt** nắng rơi

Làm thành quả - những mặt trời tí hon. (Đỗ Quang Huỳnh)

- HS đọc yêu cầu và nội dung:

- lớp làm việc nhóm 2

- HS trình bày

- HS nhận xét, góp ý

Đáp án:

a. Chỉ bộ phận nằm trong quả , có thể nảy mầm thành cây con. Đây là nghĩa gốc

b. Chỉ phần chất lỏng có hình giống như hạt của quả . Đây là nghĩa chuyển.

- Các nhóm trình bày

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

**Bài 2.** Trong hai đoạn thơ dưới đây, từ *chân* được dùng với nghĩa nào? Các nghĩa đó có gì giống và khác nhau?

- HS nêu yêu cầu của bài tập 2

- HS đọc lại mỗi từ chân trong các đoạn thơ và xác định nghĩa của mỗi từ đó. Sau khi xác định nghĩa của mỗi từ chân, suy nghĩ xem các nghĩa có quan hệ với nhau như thế nào.

- HS thực hiện vào phiếu bài tập

- HS thực hiện các nhân vào phiếu bài tập theo mẫu

|  |  |
| --- | --- |
|  Từ chân | So sánh |
| Giống nhau | Khác nhau |
| a | Hai nét nghĩa đều chỉ phần phía dưới cùng, có tác dụng nâng đỡ | dùng để chỉ bộ phận của vật, có tác dụng đỡ vật |
| b | dùng để chỉ bộ phận cơ thể người và động vật, tác dụng giúp nâng đỡ cơ thể và di chuyển. |

a. chân: phần dưới cùng của một vật (cái com-pa, cái gậy, cái kiềng) để đỡ vật đó có thể đứng được => nghĩa chuyển.

b. chân: phần dưới cùng của cơ thể người và động vật, có chức năng di chuyển (bước) => nghĩa gốc

**Bài 3**. Đặt câu để phân biệt các nghĩa của mỗi từ sau đây:

- HS nêu yêu cầu của bài tập 3

- HS làm việc cá nhân

- HS trình bày kết quả

- HS thực hiện cá nhân vào vở nháp

- 2-3 HS trình bày kết quả

(1) - Lan có chiếc mũi rất cao và thẳng. Mũi tàu như một tấm khiên lớn xé toang cả khối nước khổng lồ.

(2) - Bạn Mai cao 1m60 rồi đấy. Kết quả thi của Hoa cao thứ 2 trong khối.

- HS nhận xét

- Lắng nghe rút kinh nghiệm

**3. Vận dụng trải nghiệm.**

- HS đặt câu và giải nghĩa 2 từ sau: tốt bụng, no bụng

- HS thực hiện cá nhân

- Nhận xét, tuyên dương.

- Dặn dò bài về nhà.

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

.....................................................................................................................................

.....................................................................................................................................

**Tiết 3:TC TIẾNG VIỆT**

**Luyện tập về từ đa nghĩa**

**I. Yêu cầu cần đạt**:

***-***Nhận diện, hiểu được vai trò từ đa nghĩa.

- Vận dụng thành thạo từ đa nghĩa, đặt câu với từ đa nghĩa.

- Làm phong phú vốn từ, bồi dưỡng niềm yêu thích với môn Tiếng Việt.

**II. Đồ dùng dạy học:**

- Các học liệu phục vụ dạy học.

**II. Các hoạt động dạy học:**

**1. Khởi động:**

- HS hát vận động theo nhạc.

**2. Hoạt động luyện tập, thực hành.**

**Bài 1: Nêu nghĩa của từ “chín” trong các câu dưới đây. Cho biết ở câu nào “chín” mang nghĩa gốc.**

- Lúa ngoài đồng đã *chín*vàng. - Nghĩ cho *chín*rồi hãy nói.

- Tổ em có *chín*học sinh. - Quả trên cây đã *chín*thơm lừng

- HS đọc yêu cầu

- HĐ cặp đôi

- HS trình bày.

- Nhận xét và chốt kiến thức

Bài 2: Gạch dưới các từ ngữ in đậm được dùng theo nghĩa chuyển:

a) **đầu** người, **đầu** cầu, **đầu** làng, **đầu** sông, **đầu** lưỡi, dẫn **đầu**, đứng **đầu**

b) **miệng** cười tươi, **miệng** rộng thì sang, há **miệng** chờ sung, **miệng** bát

c) xương **sườn**, **sườn** núi, hích vào **sườn**, **sườn** nhà, **sườn** xào chua ngọt

d) **lưng** trời, **lưng** núi, **lưng** đồi, **lưng** bà còng, **lưng** ghế

- HS đọc yêu cầu.HĐ nhóm 4

- HS trình bày.

- Nhận xét và chốt kiến thức.

**Bài 3:** Hãy tìm một số ví dụ về sự chuyển nghĩa của những từ sau: bụng, ruột, ăn

- HS đọc yêu cầu.HĐ cá nhân

- HS trình bày.

- Nhận xét và chốt kiến thức.

**3. Hoạt động vận dụng, trải nghiệm:**

**Bài 5:** Đặt câu có từ “nhà” được dùng với các nghĩa sau:

a. Nhà là nơi để ở

b. Nhà là gia đình

c. Nhà là người làm nghề gì đó...

d. Nhà là đời vua

e. Nhà là vợ hoặc chồng của người nói

- HS đọc yêu cầu.HĐ cá nhân

- HS trình bày.

- Nhận xét và chốt kiến thức.

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

.....................................................................................................................................

**Tiết 4:TIẾNG VIỆT**

**Bài 15: Tiết 3: Viết bài văn tả phong cảnh**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

- Viết được bài văn tả cảnh.

- Giúp HS củng cố kiến thức đã học và thực hành, luyện tập tại nhà.

- Góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

**II.Đồ dùng dạy học:**

- Các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III.Hoạt động dạy học:**

**1. Khởi động:**

- HS nêu lại bố cục của một bài văn tả phong cảnh

- Mời HS nhận xét

**2. Khám phá.**

Bài 1: Viết

- Nghe GV HD chọn 1 trong 2 đề để viết

Đề 1: Tả một cảnh ao hồ, sông suối ở quê hương em hoặc ở nơi gia đình em sinh sống.

Đề 2: Tả một cảnh biển đảo em đã được thấy tận mắt hoặc xem trên phim ảnh.

- HS chọn 1 trong 2 đề trên để viết đoạn văn

- HS viết bài các nhân vào vở

- HS nghe GV hướng dẫn, lưu ý cho hs khi viết đoạn văn

+ Đọc lại dàn ý đã lập (có thể chỉnh sửa hoặc bổ sung chi tiết cho nội dung phong phú

hơn hoặc điều chỉnh trình tự miêu tả, nếu muốn).

+ Đọc những điều lưu ý và ví dụ trong SGK.

+ Dự kiến viết những câu văn sử dụng biện pháp nhân hoá, so sánh khi tả phong cảnh.

- HS tập trung làm bài để có thời gian đọc soát bài văn.

- Viết bài dựa vào dàn ý (đảm bảo bài văn có đủ 3 phần), chú ý viết câu văn sử dụng những từ ngữ gợi tả (VD: những tính từ gợi hình ảnh, âm thanh, màu sắc, ... gây ấn tượng mạnh), sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá, ...

- HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời. Chẳng hạn:

+ Hỗ trợ những em hạn chế về kĩ năng viết (kĩ năng tìm ý, kĩ năng dùng từ, viết câu.).

+ Hỗ trợ, khích lệ HS tìm được lí do xác đáng, dẫn chứng điển hình.

Bài 2: Đọc soát và chỉnh sửa.

- HS đọc bài văn đã viết

- Nhận xét đoạn văn theo một số gợi ý

+ Bố cục

+ Trình tự sắp xếp

+ Cách dùng từ, viết câu

- HS rà soát , phát hiện lỗi, sửa lỗi trong bài viết theo các gợi ý trên.

- HS nhận xét.

- HS nghe Gv nhận xét, tuyên dương

**3. Vận dụng trải nghiệm.**

- HS thảo luận với bạn bè để thực hiện ở nhà yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: Em hãy ghi lại những tác dụng mà mặt trời mang tới cho vạn vật trên thế gian này.

- Nhận xét tiết dạy.

- Dặn dò bài về nhà.

**IV. Điều chỉnh sau bài dạy:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................